TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 119/2026/QĐST-HNGĐ	*Lai Châu, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 171/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

1. Anh Trần Thanh T, sinh năm 1985.

2. Chị Lê Thu H, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Q 7, phường K, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 28 tháng 5 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Trần Thanh T và chị Lê Thu H trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T và chị Lê Thu H là vợ chồng hợp pháp đăng ký kết hôn ngày 25/05/2015 tại UBND phường Q, thành phố C, tỉnh Lai Châu (nay là UBND phường K, tỉnh Lai Châu). Đến đầu năm 2024, giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến nay anh T, chị H nhận thấy cuộc

sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về các thỏa thuận khác: Anh T và chị H cũng đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, cấp dưỡng nuôi con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T và chị Lê Thu H thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con: Anh Trần Thanh T và chị Lê Thu H có 02 con chung là cháu Trần Anh D, sinh ngày 24/4/2018 và cháu Trần T A, sinh ngày 20/12/2015. Anh chị tự thỏa thuận và nhất trí để chị Lê Thu H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Thanh T và chị Lê Thu H thỏa thuận anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Trần Anh D và cháu Trần T A, mỗi cháu số tiền 5.000.000 đồng/tháng/cháu, tổng số tiền anh T phải cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 20/6/2026 cho đến khi con chung cháu Trần Anh D và cháu Trần T A thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, anh T chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Anh Trần Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Anh Trần Thanh T và chị Lê Thu H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Lê Thu H và anh Trần Thanh T thỏa thuận anh T là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận anh Trần Thanh T đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000226 ngày 14/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND KV1- Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1- Lai Châu;
- UBND phường K, tỉnh Lai Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân Anh